



CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THÁI LAN



Hà Nội, tháng 5/2013

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Phần 1. Giới thiệu khái quát về thị trường Thái Lan | 3 |
| 1. Thông tin cơ bản | 3 |
| 2. Điều kiện tự nhiên | 3 |
| 3. Khí hậu | 3 |
| 4. Xã hội | 3 |
| 5. Thể chế và cơ cấu hành chính..... | 4 |
| 5.1 <i>Thể chế</i> | 4 |
| 5.2 <i>Cơ cấu hành chính</i> | 5 |
| 6. Hệ thống pháp luật | 5 |
| 7. Lịch sử | 5 |
| 8. Giáo dục..... | 6 |
| 9. Ngày nghỉ, lễ tết..... | 6 |
| Phần 2. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư | 7 |
| 1. Kinh tế | 7 |
| 2. Thương mại..... | 9 |
| 3. Đầu tư | 9 |
| 4. Cơ sở hạ tầng kinh tế..... | 11 |
| 5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản | 11 |
| 6. Quan hệ quốc tế..... | 12 |
| Phần 3. Quan hệ hợp tác với Việt Nam..... | 13 |
| 1. Quan hệ ngoại giao..... | 13 |
| 2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại..... | 14 |
| 3. Đầu tư | 17 |
| Phần 4. Một số điều kiện cần biết khi kinh doanh với Thái Lan..... | 19 |
| 1. Các qui định về xuất nhập khẩu..... | 19 |
| 1.1 <i>Chứng từ nhập khẩu</i> | 19 |
| 1.2 <i>Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu</i> | 21 |
| 1.3 <i>Các mặt hàng cấm xuất khẩu, nhập khẩu</i> | 22 |
| 1.4 <i>Tạm nhập</i> | 22 |
| 2. Chính sách thuế và thuế suất | 23 |
| 2.1 <i>Thuế nhập khẩu</i> | 23 |
| 2.2 <i>Thuế giá trị gia tăng</i> | 24 |
| 2.3 <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | 24 |
| 3. Quy định về bao gói, nhãn mác | 24 |
| 4. Quy định về kiểm dịch động thực vật | 25 |
| 5. Quyền sở hữu trí tuệ..... | 25 |
| 6. Khu vực tự do thương mại..... | 26 |
| 7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hoá và dịch vụ..... | 27 |
| 8. Thành lập doanh nghiệp | 27 |
| 9. Văn hóa kinh doanh..... | 29 |
| Phần 5. Địa chỉ hữu ích..... | 34 |
| Tài liệu tham khảo..... | 35 |

Phần 1. Giới thiệu khái quát về thị trường Thái Lan

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Vương quốc Thái Lan
Vị trí địa lý: Nằm ở khu vực Đông Nam Á
Diện tích: 513.115km²
Dân số: 67.448.120 (ước tính năm 2013)
Thủ đô: Băng-cốc
Ngôn ngữ: tiếng Thái
Ngày quốc khánh: 02/01
Đơn vị tiền tệ: đồng bạc Thái (THB)

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Nằm ở Đông Nam Á.

Giáp giới:

- Phía Đông Bắc giáp Lào.
- Phía Đông Nam giáp Campuchia và Vịnh Thái Lan
- Phía Tây giáp biển Andaman - Ấn Độ Dương và Myanmar
- Phía Nam giáp Vịnh Thái Lan và Malaysia

Diện tích: Tổng diện tích: 514.000 km².

Thái Lan có chiều dài từ Bắc tới Nam là 2500 km² và chiều rộng từ Tây sang Đông là 1250 km².

Địa hình: Vùng trung tâm của Thái Lan là một đồng bằng lưu vực sông Mê-nam màu mỡ đông dân. Vùng phía Bắc có nhiều núi, trong đó có đỉnh Doi In-tha-non, cao 2.595 m. Cao nguyên Kho-rát nằm ở vùng Đông Bắc. Nối liền Thái Lan với Malaysia là eo đất Kra có nhiều núi. Sông chính: Sông Mê-kông 4.350 km; sông Mê-nam 1.200 km.

Tài nguyên thiên nhiên: Thiếc, cao su, khí tự nhiên, tungsten (một kim loại cứng màu xám dùng để chế tạo thép hợp kim và sợi đốt trong bóng đèn điện), tantali, gỗ, chì, cá, thạch cao, than non, fluorit, đất trồng.

3. Khí hậu

Cận nhiệt đới, mưa nhiều, thời tiết ẩm áp; nhiều mây và gió mùa ở khu vực Đông Nam; từ tháng mười đến giữa tháng ba thời tiết khô, lạnh ở khu vực Đông Bắc; ở đèo đất phía Nam luôn nóng và ẩm ướt.

4. Xã hội

(Số liệu ước tính 2013. Nguồn: www.cia.gov)

Dân số: 67.448.120 người (ước tính 2013)

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi:

- 0-14 tuổi: 19,2% (nam 6.620.873 / nữ 6.313.188)
- 15-64 tuổi: 71,1% (nam 23.719.295 / nữ 24.006.711)
- 65 tuổi trở lên: 9,88,7% (nam 2.971.426/12.269 / n nữ) 3.616.627/3.162.282)

Tốc độ gia tăng dân số: 0,52%

Cơ cấu giới tính: 0,98 nam/nữ

Tuổi thọ trung bình: 75,02 tuổi (nam: 72,94 tuổi / nữ: 77,21 tuổi)

Dân tộc:

- Thái: 75%
- Trung Quốc: 14%
- Việt Nam, Mã lai, Ấn Độ và dân tộc khác: 11%

Tôn giáo: Đạo Phật được coi là quốc đạo, chiếm khoảng 94,6% dân số, ngoài ra có Đạo Hồi (4,6%), Thiên chúa giáo và các đạo khác (0,1%).

Ngôn ngữ: Ngôn ngữ chính là tiếng Thái. Tiếng Anh được dùng phổ biến, ngoài ra còn có các thổ ngữ.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1 Thể chế

Thể chế nhà nước: quân chủ lập hiến, chế độ lưỡng viện (từ năm 1932).

Cơ cấu các cơ quan quyền lực:

- Nguyên thủ quốc gia là Nhà Vua: Được coi là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Về danh nghĩa Nhà Vua là người đứng đầu nhà nước, Tổng Tư lệnh quân đội và là người bảo trợ Phật giáo.
- Quốc hội: Là cơ quan lập pháp cao nhất, gồm 2 viện:
 - + Thượng nghị viện: Thượng nghị viện được bầu cử có 200 ghế.
 - + Hạ nghị viện: Được bầu qua các cuộc tổng tuyển cử, Chủ tịch Hạ nghị viện là Chủ tịch Quốc hội. Hạ nghị viện có 500 ghế.
- Chính phủ: Là cơ quan hành pháp cao nhất, nhiệm kỳ 4 năm, gồm có 1 Thủ tướng và 35 thành viên nội các, thuộc 20 bộ. Ngoài ra còn có một số Ủy ban của Chính phủ được lập ra để phối hợp thực hiện các chính sách chung.

Thể chế chính trị: đa nguyên.

Đảng phái chính trị:

- Đảng sức mạnh nhân dân (PPP)
- Đảng dân chủ

- Đảng người Thái yêu người Thái (TRT) (bị cấm hoạt động chính trị trong 5 năm từ 2008)

5.2 Cơ cấu hành chính

Có 76 tỉnh bao gồm: Amnat Charoen, Ang Thong, Buriram, Chachoengsao, Chai Nat, Chaiyaphum, Chanthaburi, Chiang Mai, Chiang Rai, Chon Buri, Chumphon, Kalasin, Kamphaeng Phet, Kanchanaburi, Khon Kaen, Krabi, Krung Thep Mahanakhon (Băng-cốc), Lampang, Lamphun, Loei, Lop Buri, Mae Hong Son, Maha Sarakham, Mukdahan, Nakhon Nayok, Nakhon Pathom, Nakhon Phanom, Nakhon Ratchasima, Nakhon Sawan, Nakhon Si Thammarat, Nan, Narathiwat, Nong Bua Lamphu, Nong Khai, Nonthaburi, Pathum Thani, Pattani, Phangnga, Phatthalung, Phayao, Phetchabun, Phetchaburi, Phichit, Phitsanulok, Phra Nakhon Si Ayutthaya, Phrae, Phuket, Prachin Buri, Prachuap Khiri Khan, Ranong, Ratchaburi, Rayong, Roi Et, Sa Kaeo, Sakon Nakhon, Samut Prakan, Samut Sakhon, Samut Songkhram, Sara Buri, Satun, Sing Buri, Sisaket, Songkhla, Sukhothai, Suphan Buri, Surat Thani, Surin, Tak, Trang, Trat, Ubon Ratchathani, Udon Thani, Uthai Thani, Uttaradit, Yala, Yasothon.

Thủ đô: Băng-cốc (từ năm 1782).

6. Hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật của Thái dựa theo hệ thống dân luật (*civil law*) nhưng có một số ảnh hưởng của hệ thống thông luật (*common law*).

7. Lịch sử

Theo sử sách Thái Lan, người Thái xuất xứ từ vùng núi An-Tai, Đông Bắc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc từ 4500 năm trước, sau đó di cư dần xuống vùng đất hiện nay là Thái Lan. Vào năm 1238, người Thái thành lập Vương quốc tại Sukhothai (hiện ở miền Bắc Thái Lan) gọi là Vương quốc Phật giáo Sukhothai, năm 1283 người Thái có chữ viết. Sau đó người Thái mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, và năm 1350 chuyển kinh đô xuống Ayuthaya (phía Bắc Băng-cốc 70 km) gọi là Vương quốc Ayuthaya. Hơn 400 năm người Thái tiến hành chiến tranh liên miên với Miến Điện và kinh đô Ayuthaya bị huỷ diệt. Năm 1767, một tướng người Thái gốc Hoa, Taksin, đứng lên chống quân Miến Điện giành lại độc lập và rời đô về Thonburi, bên bờ sông Chao Phaya, đối diện với Bangkok. Vua Rama I (1782) lên ngôi và lấy Băng-cốc (Thành phố của các thiên thần) làm Thủ đô. Thời đại này gọi là Rattanakosin.

Trước năm 1932, Thái Lan theo chế độ Quân chủ chuyên chế. Sau cuộc cách mạng tư sản năm 1932 do một nhóm sĩ quan trẻ lãnh đạo, Thái Lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ Quân chủ lập hiến. Ngày 10/12/1932 Vua Prachadhipok (Rama VII) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Thái Lan. Trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ 2, Thái Lan là một đồng minh của Nhật nhưng cùng lúc vẫn tồn tại một phong trào chống Nhật gọi là Seri Thai. Sau chiến tranh, Thái Lan trở thành đồng minh của Mỹ. Hơn 70 năm qua Thái Lan đã thay đổi 17 hiến pháp, nhưng Hiến pháp 1932 vẫn được coi là cơ sở. Hiến pháp gần đây nhất (thứ 18) được thông qua với cuộc trưng cầu dân ý ngày

19/8/2007, cùng với tổng tuyên cử ngày 23/12/2007, chính phủ dân sự mới của Thái Lan đã được thành lập vào ngày 06/02/2008.

8. Giáo dục

Hệ thống giáo dục Thái Lan được chia thành 4 cấp độ: Mẫu giáo (1 năm), Tiểu học (5 năm), Phổ thông (6 năm) và Đại học.

9. Ngày nghỉ, lễ tết

- 1/1 - Năm mới
- 21/2 - Ngày lễ Makha Bucha
- 7/4 - Ngày lễ Chakri (Ngày lễ thay thế)
- 14-15/4 - Lễ hội Songkran
- 1/5 - Ngày quốc tế lao động
- 5/5 - Ngày lễ đăng quang
- 19/5 - Ngày lễ Wisakha Bucha
- 1/7 - Ngày lễ kết thúc giữa năm
- 17/7 - Ngày lễ Asarnha Bucha
- 12/8 - Ngày lễ mừng sinh nhật Nữ hoàng Thái
- 23/10 - Ngày lễ Chulalongkorn
- 5/12 - Ngày lễ mừng sinh nhật Vua Thái
- 10/12 - Ngày lễ quốc khánh
- 31/12 - Ngày lễ chào mừng năm mới

Phần 2. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Thái Lan hiện là một nước công nghiệp mới (trước vốn là nước nông nghiệp truyền thống). Bắt đầu từ năm 1960 Thái Lan thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội lần thứ nhất và đến nay là Kế hoạch 9 (2002- 2006). Những năm 1970 Thái thực hiện chính sách "hướng xuất khẩu", ASEAN, Mỹ, Nhật, EC là thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan. Ngành công nghiệp và dịch vụ đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và vai trò của nông nghiệp giảm dần. Ngành du lịch cũng đóng vai trò tích cực, đưa lại thu nhập khoảng 4 tỷ бат/năm.

Từ năm 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9%/năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính phủ buộc phải thả nổi đồng бат: Tỷ giá đồng бат tháng 1/1998 là 56 бат = 1USD (trước là 25,3); mức tăng GDP năm 1998 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. Tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng bị giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ năm 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

Năm 2006 tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan là 5,1%. Thái Lan tiếp tục là nền kinh tế lớn thứ hai Đông Nam Á, sau Indonesia, một vị trí mà Thái Lan đã nắm giữ trong nhiều năm qua.

Năm 2007, tuy sự bất ổn chính trị gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững, mức tăng trưởng của cả năm là 4,7%. Thặng dư thương mại năm 2007 đạt 1,2 tỷ USD. Đồng бат đạt mức giá cao nhất trong 10 năm qua so với đồng USD (32 бат = 1USD).

Tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2008 đạt ở mức 2,5%. Khủng hoảng chính trị kéo dài cộng thêm tác động từ tình hình kinh tế thế giới nên năm 2009 GDP của Thái Lan đạt – 2,2% so với dự đoán trước đây là 3 đến 4%.

Mặc dù kinh tế toàn cầu đang đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng kinh tế Thái Lan dần hồi khá tốt và đã hồi phục từ trận lũ lụt tồi tệ hồi cuối năm 2011, nhờ nhu cầu trong nước mạnh giúp bù đắp cho hoạt động xuất khẩu yếu. Kinh tế Thái Lan năm 2012 tăng gấp 2,5

lần so với năm 2011. Ngân hàng trung ương Thái Lan dự báo trong năm 2013 kinh tế nước này sẽ tăng trưởng 4,7%, thấp hơn so với mức tăng 5,8% trong năm 2012. Ngân hàng trên cũng dự đoán rằng xuất khẩu Thái Lan sẽ tăng 9% trong năm nay, sau khi tăng khoảng 4,4% trong năm ngoái. Thái Lan là một trong những trung tâm chế tạo của khu vực với nhiều hãng sản xuất ô tô hàng đầu thế giới và các công ty chế tạo khác đến xây dựng nhà máy.

1.2 Các ngành kinh tế trọng điểm

Công nghiệp

Các ngành công nghiệp chính của Thái Lan là dệt và may mặc, chế biến nông nghiệp, đồ uống, thuốc lá, xi măng, công nghiệp nhẹ như sản xuất đồ trang sức và những thiết bị điện tử, máy tính và linh kiện, đồ gia dụng, nhựa, ô tô và linh kiện. Thái Lan là nước đứng thứ hai trên thế giới về sản xuất tungsten (một kim loại cứng màu xám dùng để chế tạo thép hợp kim và các sợi trong bóng đèn điện) và là nước đứng thứ ba trên thế giới trong lĩnh vực sản xuất thiếc.

Nông nghiệp

Các nhà hoạch định chính sách Thái lấy nông nghiệp là bộ phận cho nền kinh tế quốc dân, và không chỉ có thế, mục tiêu cốt lõi là tạo ưu đãi “tam nông” để ổn định chính trị xã hội. Nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống của người nông dân cũng như phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng bền vững, bên cạnh những chính sách khuyến khích và hỗ trợ người nông dân nâng cao tính cạnh tranh của nông sản trên thị trường thế giới thì vấn đề liên quan đến “tính mềm” như đào tạo kỹ thuật, nâng cao nhận thức người nông dân được coi trọng hướng đến. Mặc dù bình quân diện tích đất canh tác nông nghiệp Thái Lan gấp 4 lần Việt Nam nhưng nhờ những hướng đi đúng đắn trong đào tạo nguồn nhân lực nên những vùng đất hoang, địa hình đồi núi dốc và cả những vùng khô cằn không chỉ dành cho cây ngô, lúa nương mà nhiều loại lúa cao sản đã được triển khai và cho năng suất cao. Thái Lan được cho là “nồi cơm” của thế giới do luôn duy trì được “ngôi vị số 1” toàn cầu về xuất khẩu gạo. Ngoài lúa gạo, Thái Lan còn phát triển sản xuất nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như ngô, cao su và cả những...loài hoa. Năm 2009, ngành nông nghiệp Thái Lan đã đóng góp 11,6% vào GDP, tạo việc làm cho 49% số người trong độ tuổi lao động.

Du lịch

Là một ngành đem lại doanh thu lớn cho kinh tế Thái. Theo Cơ quan Du lịch Thái Lan, trong năm 2007, có 14,8 triệu du khách nước ngoài đến Thái Lan và mang lại 1,6 tỷ USD cho ngành công nghiệp không khói. Chính quyền Thái Lan không ngừng cải tiến ngành du lịch. Vì vậy, bất chấp trận sóng thần vào cuối năm 2004, cúm gia cầm, đảo chính năm 2006 và cuộc nổi dậy của phe Hồi giáo li khai khiến bạo lực gia tăng tại miền nam, lượng khách du lịch thế giới vẫn đổ về Thái Lan. Trong đó, đảo Phuket nổi tiếng với những bãi biển tuyệt đẹp đang trở thành thị trường những môn thể thao dưới nước hàng đầu châu Á với hơn năm triệu du khách tìm đến mỗi năm.

Tháng 11 và tháng 12/2008, 40% khách đã hủy tour đến Thái Lan. Lượng khách du lịch giảm do bị tác động bởi tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, hàng loạt thiên tai và biến động chính trị như vụ phong tỏa sân bay quốc tế Suvarnabhumi năm 2008 và những vụ trấn áp biểu tình bạo lực năm 2010. Năm 2009, Thái Lan chỉ thu hút được 14,1 triệu du khách. Năm 2011, du khách đã phải lội bì bõm trong trận lụt làm ngập 65/77 tỉnh của Thái Lan. Tuy nhiên sự ổn định của Thái Lan trong hơn 2 năm qua đã thuyết phục được du khách, ngay cả những khách du lịch nhạy cảm như Nhật Bản quay lại. Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) đã phát động chương trình quảng bá gọi năm 2012 là “Năm Phép Lạ” với mục tiêu thu hút hơn 205 triệu khách quốc tế. Và có thể nói rằng phép lạ thực sự đã diễn ra, một lượng khách dồi dào đang tiếp tục đổ về đất nước này. Kỷ lục năm 2012 là 22,3 triệu khách, tăng 16 % so với năm 2011. Cục trưởng Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) Suraphon Svetasreni nhận định thành quả này là do sự hợp tác và sáng tạo của cả ngành du lịch, nhưng trước hết là sự ổn định chính trị của Thái Lan. Bên cạnh đó thế giới năm ngoái hầu như yên bình, không có các biến cố lớn về kinh tế, địa chính trị, thảm họa thiên nhiên và dịch bệnh. “Du lịch trên toàn cầu chỉ có thể thịnh vượng khi các điều kiện nền tảng của nó không bị khuấy động và phá vỡ. Đó là một trong số những bài học quan trọng nhất” - ông Svetasreni nhấn mạnh. Và vào năm 2013, du lịch Thái Lan đặt mục tiêu 24,5 triệu khách.

2. Thương mại

Nền kinh tế của Thái Lan phụ thuộc vào xuất khẩu với kim ngạch xuất khẩu chiếm 60% GDP. Kim ngạch xuất khẩu trong những năm gần đây tăng liên tục từ 68,6 tỷ USD năm 2002 lên 96,1 tỷ USD năm 2004, 105,8 tỷ USD năm 2005 và 151,1 tỷ USD năm 2007, năm 2009 đạt 150,7 tỷ USD giảm so với 175,2 tỷ USD năm 2008 do bất ổn chính trị cộng với tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới. Năm 2010, xuất khẩu của Thái Lan tăng lên 191,3 tỷ USD. Xuất khẩu của Thái Lan ngày càng tăng khi năm 2011, xuất khẩu đạt 221,6 tỷ USD, xuất khẩu năm 2012 đạt 218,1 tỷ USD, và xuất khẩu năm 2013 dự báo là 219,1 tỷ USD.

Các bạn hàng lớn nhất của Thái Lan là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản. Ngoài ra xuất khẩu của Thái Lan còn được đẩy mạnh nhờ các thỏa thuận tự do thương mại song phương như với Trung Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand, Peru, Bahrain. Những sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Thái Lan là vải sợi, giày dép, các sản phẩm từ cá, gạo, đồ trang sức, máy vi tính và các thiết bị điện tử.

Kim ngạch nhập khẩu cũng tăng từ 64,3 tỷ USD năm 2002 lên 94,4 tỷ USD năm 2004, 107 tỷ USD năm 2005 và 125,2 tỷ USD năm 2007, năm 2008 nhập khẩu của Thái Lan đạt 157,8 tỷ USD. Tuy nhiên, bước sang năm 2009 nhập khẩu của Thái Lan giảm mạnh chỉ đạt 118 tỷ USD. Đến năm 2010, nhập khẩu tăng lên 156,9 tỷ USD. Và nhập khẩu của Thái Lan tăng dần đều, năm 2011 là 196,3 tỷ USD, năm 2012 là 213,7 tỷ USD, và dự báo năm 2013 là 202,1 tỷ USD. Các mặt hàng Thái Lan nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô, hàng tiêu dùng, nhiên liệu. Thị trường nhập khẩu chính từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Malaysia, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Singapore.

3. Đầu tư

Môi trường đầu tư

Trong cuộc chạy đua quyết liệt nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực Đông Á, ngay sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ Châu Á năm 2005, Thái Lan đã thay đổi những chính sách của mình để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực. Cụ thể: nâng mức sở hữu nước ngoài lên 49% đối với các dự án thông thường, 100% đối với các dự án có trên 80% sản phẩm xuất khẩu. Ngoài ra, đối tác nước ngoài còn được phép điều chỉnh tỷ lệ sở hữu lên trên 51% trong trường hợp đối tác Thái Lan gặp khó khăn về tài chính. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính Thái Lan hủy bỏ quy định phải có 30% sản phẩm xuất khẩu trở lên, mới được hưởng miễn giảm thuế trong các ngành công nghiệp chế tạo.

Đầu năm 2007, Thái Lan thực hiện gia tăng kiểm soát tiền tệ và hạn chế đầu tư nước ngoài. Chính quyền Thái Lan đã chủ trương sửa đổi Luật Doanh nghiệp nước ngoài (1/2007), áp đặt những hạn chế mới về đầu tư. Theo đó, buộc các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư có cổ phần lớn tại Thái Lan phải nhanh chóng tìm thêm đối tác mới để chia sẻ cổ phần đang nắm giữ tại các công ty Thái trong vòng 1 năm, giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại các công ty Thái xuống thấp hơn 50%. Hạn chế này đã gây hoang loạn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ngay sau khi Thái Lan công bố hạn chế mới này, chỉ số chứng khoán SET- Index của Thái đã giảm tới 2,4%, là một trong những đợt sụt giảm mạnh nhất trong vòng 2 năm qua. Riêng đồng бата giảm 0,8%. Đây còn là đòn giáng mạnh vào lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài tại Thái Lan, kể từ sau khi Chính phủ mới do quân đội ủng hộ lên nắm quyền. Ngoài ra, sau khi Ngân hàng Trung ương Thái Lan ban bố quyết định phong tỏa 30% giá trị các tài khoản bằng ngoại tệ nhằm mục đích đầu tư chứng khoán vào cuối năm 2006, giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước này giảm 15% - mức giảm kỷ lục của một phiên giao dịch trong vòng 31 năm lịch sử chứng khoán Thái Lan. Thiệt hại của thị trường chứng khoán lên tới 23 tỷ USD chỉ trong 1 ngày.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan

Thái Lan là nước thành công nhất trong khối ASEAN về việc thu hút FDI, bình quân hàng năm thu hút được trên 6,5 tỷ USD vốn FDI (cao hơn mức kỷ lục của Malaysia và Singapore).

Một số ngành hàng được xem có cơ hội đầu tư tốt tại Thái Lan, bao gồm:

- Thực phẩm bán lẻ
- Dịch vụ phục vụ nhu cầu ăn uống
- Sản phẩm nông nghiệp
- Hàng hoá dùng trong sản xuất
- Sản phẩm công nghệ
- Dịch vụ phục vụ việc giáo dục và đào tạo
- Hàng tiêu dùng như quần áo thời trang và mỹ phẩm
- Ngành xây dựng
- Máy móc tự động...

Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore, Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu dẫn đầu các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Thái Lan. Năm 2009 số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thái Lan đạt 5,95 tỷ USD nâng tổng số vốn FDI (tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009) vào quốc gia này đạt 99 tỷ USD.

Thái Lan cũng đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài, chủ yếu tại các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Các lĩnh vực đầu tư chính là sản xuất vi mạch điện tử, sản phẩm hóa chất, hàng tiêu dùng... Tổng số vốn Thái Lan đang đầu tư ra nước ngoài (tính đến 12/2009): 10,52 tỷ USD. Theo ước tính của Bloomberg, tổng số vốn đầu tư nước ngoài của Thái Lan từ đầu năm 2008 đến ngày 18/7/2012 lên tới 20,4 tỷ USD, tăng gấp 14 lần tổng số vốn giai đoạn từ 2003 đến 2007.

Trong đó, các doanh nghiệp dẫn đầu trong việc đầu tư ra nước ngoài bao gồm tập đoàn thức ăn chăn nuôi CP Charoen Pokphand Foods Pcl (CPF), nhà sản xuất than Banpu Pcl (BANPU), công ty năng lượng PTT Pcl (PTT), Siam Cement Pcl (SCC), tập đoàn đồ đông lạnh Thai Union Frozen Products Pcl (TUF).

Chính phủ Thái Lan khuyến khích, hỗ trợ tối đa làn sóng này bằng cách giảm mạnh thuế thu nhập cho các doanh nghiệp từ 30% xuống chỉ còn 23% bắt đầu từ tháng 1 năm 2012, và dự kiến sẽ còn tiếp tục giảm xuống 20% vào năm 2013.

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

(Nguồn: www.cia.gov)

Thông tin liên lạc:

- Số đường điện thoại cố định: 6,661 triệu
- Điện thoại cầm tay: 77,605 triệu
- Số người sử dụng internet: 17,403 triệu
- Số máy chủ internet: 3,399 triệu

Giao thông vận tải:

- Đường hàng không: 63 đường bay thương mại quốc tế, cứ 1h có một chuyến bay từ Bangkok. Với các sân bay quốc tế chất lượng cao: Don Muang, Suvarnabhumi, Authority
- Đường ống: 4.381 km
- Đường sắt: 4.071 km
- Đường bộ: 180.053 km
- Đường thủy: 4.000 km
- Cảng chính: Bangkok, Laem Chabang, Map Ta Phut ở bờ biển đông Thái Lan; và Sonkhla, Satun, Narathiwat, Phuket, Ranong ở phía Nam

Update số liệu 2012 <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/th.html>

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

(Số liệu 2013. Nguồn: www.cia.gov)

GDP ngang giá sức mua: 645,7 tỷ USD

GDP theo tỷ giá thực: 377 tỷ USD

Tăng trưởng GDP: 5,5%

GDP bình quân đầu người: 10.000 USD

GDP đóng góp theo ngành:

- o Nông nghiệp: 8,6%
- o Công nghiệp: 39%
- o Dịch vụ: 52,2%

Lực lượng lao động: 39,770 triệu người

Lực lượng lao động phân bổ theo ngành:

- o Nông nghiệp: 38,2%
- o Công nghiệp: 13,6%
- o Dịch vụ: 48,2%

Tỷ lệ thất nghiệp: 0,6%

Thu chi ngân sách: Thu 63,7 tỷ USD, chi 76,6 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát: 3%

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 2,5%

Kim ngạch xuất khẩu: 226,2 tỷ USD (theo trị giá FOB)

Kim ngạch nhập khẩu: 213,7 tỷ USD (theo trị giá CIF)

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 181,6 tỷ USD

Tổng số vốn đầu tư nước ngoài hiện có tại Thái Lan (tính đến 12/2009): 159,2 tỷ USD.

Tổng số vốn Thái Lan đang đầu tư ra nước ngoài (tính đến 12/2009): 51,59 tỷ USD.

Số liệu chưa cập nhật 2012, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/th.html>

6. Quan hệ quốc tế

Chính sách đối ngoại của Chính phủ Thái Lan nhấn mạnh việc coi trọng vai trò của Thái Lan trên trường quốc tế vì lợi ích của Thái Lan và người dân Thái, đặc biệt là khu vực tư nhân; coi trọng quan hệ với các nước láng giềng trong đó sẽ cân nhắc về hình thức và lĩnh vực hợp tác phù hợp, có nước sẽ nhấn mạnh về chính trị hoặc kinh tế, có nước sẽ nhấn về giáo dục hoặc nông nghiệp, y tế...

Trong giai đoạn toàn cầu hóa, Thái Lan tiếp tục chính sách ngoại giao phục vụ kinh tế, đẩy mạnh thu hút đầu tư, đẩy mạnh tìm kiếm các đối tác thương mại nhằm mở rộng thị trường, tăng giá trị hàng hóa của Thái Lan, tạo cơ hội về thương mại cho khu vực tư nhân Thái Lan. Về tự do hóa thương mại, Thái Lan sẽ tăng cường đàm phán song phương về thành lập khu vực tự do thương mại (FTA) với các nước trên cơ sở quan hệ đối tác, bình đẳng và công bằng, đồng thời tăng cường quan hệ thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO.

Thái Lan tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực sau: APEC, ASDB, ASEAN, ESCAP, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, IFAD, ILO, IMF, Interpol, IOC, ISO, ITU, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UPU, WFTU, WHO, WIPO, WTO, v.v...

Phần 3. Quan hệ hợp tác với Việt Nam

1. Quan hệ ngoại giao

Việt Nam và Thái Lan thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 6/8/1976. Tháng 9/1978, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm chính thức Thái Lan. Năm 2006 hai nước đã tiến hành nhiều hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao.

Từ năm 1991 đến nay, quan hệ hai nước dần được cải thiện và phát triển mạnh, nhất là sau khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN. Hai bên đã trao đổi nhiều chuyến thăm cấp cao.

Về phía Việt Nam có đoàn:

- Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993)
- Chủ tịch nước Trần Đức Lương (10/1998)
- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (3/2000)
- Thủ tướng Võ Văn Kiệt (9/1991 và 7/1992)
- Thủ tướng Phan Văn Khải (5/2000)
- Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1996)
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (9/2003)
- Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (12/2006).
- Bộ trưởng Công an Lê Hồng Anh (3/2010)
- Đoàn đại biểu quân sự cấp cao sang thăm Thái Lan (3/2011)
- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh (2/2012)
- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (6/2012)
- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (12/2012)

Về phía Thái Lan có đoàn:

- Các Thủ tướng Anand (1/1992)
- Chuan Leekpai (3/1994), Banharn (10/1995)
- Chavalit (3/1997)
- Chủ tịch Quốc hội Thái Lan (2/1996)
- Thủ tướng Chuan Leekpai dự Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội (12/1998)
- Phó Thủ tướng Bhichai Rattakul (11/1999)
- Thủ tướng Thaksin Shinawatra (24-25/4/2001)
- Ngoại trưởng Thái Surin thăm chính thức (2/1998) và sang dự kỳ họp thứ 6 UBHH hai nước (21-13/6/1999)
- Ngoại trưởng Thái Surakiart Sathirathai (07/3/2001)
- Chủ tịch Hội đồng Cơ mật Hoàng gia (4/2002).
- Thủ tướng Surayud Chulanont đã thăm chính thức Việt Nam sau khi nhậm chức (26/10/2006), dự Hội nghị cấp cao APEC 14 (18-19/11/2006).
- Thủ tướng Samak thăm chính thức Việt Nam (24/3/2008).
- Ngoại trưởng Thái Lan Kasit Piromya thăm chính thức Việt Nam (25/02/2009).
- Thủ tướng Abhisit Vejjajiva thăm chính thức Việt Nam (10/7/2009).
- Đặc biệt có các chuyến thăm của Hoàng gia Thái như: Thái tử Maha Vajiralongkorn (11/1992, 9/1997, 12/2007, 01/2008 và tháng 5/2008) và Công chúa Sirindhorn (2/1993, 4/2000);

- Công chúa Chulabhorn (11/1998, 5/1999, 6/2000, 11/2001, 2/2003, tháng 12/2003 và tháng 7/2008, 11/2009),
- Đại sứ Thái Lan (3/2011)
- Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch hạ viện Vương quốc Thái Lan (10/2011)
- Thủ tướng Thái Lan Dinh lặc Xi na văt (11/2011)
- Bộ trưởng Bộ Thương mại Thái Lan (7/2012)
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (8/2012)
- Ngoài ra hai bên cũng đã có nhiều cuộc trao đổi đoàn giữa các Bộ, ngành và địa phương.

Đến nay Việt Nam và Thái Lan đã ký gần 30 Hiệp định và thỏa thuận hợp tác.

Từ ngày 20-21/2/2004, Chính phủ hai nước đã tiến hành cuộc họp Nội các chung lần thứ nhất tại thành phố Đà Nẵng (Việt Nam) và tỉnh Na-khon Phan-nom (Thái Lan). Đoàn đại biểu Chính phủ ta do Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải dẫn đầu và Đoàn đại biểu Chính phủ Vương quốc Thái Lan do Thủ tướng Thạc-xin Xin-na-văt dẫn đầu.

Sau đảo chính ngày 19/9/2006, mức độ hoạt động trong quan hệ chính trị đối ngoại giữa hai nước có phần chững lại song quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực khác nhất là kinh tế thương mại và đầu tư vẫn phát triển tốt. Chính phủ của Thủ tướng Surayud vẫn chủ trương thúc đẩy quan hệ với ta.

Sau khi Chính phủ mới của Thái Lan được thành lập, ta tiếp tục duy trì và củng cố quan hệ với Thái Lan. Các lãnh đạo ta đã có điện chúc mừng kịp thời đến các lãnh đạo Thái Lan.

(Nguồn: Bộ Ngoại giao)

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Tổng kim ngạch buôn bán của năm 2000 so với năm 1996 (một năm sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN) đã tăng gần hai lần, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan tăng gần sáu lần. Tổng kim ngạch buôn bán song phương năm 2008 so với năm 1996 tăng gần 10 lần, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan tăng gần 22 lần.

Kim ngạch thương mại hai nước trong năm 2008 đạt hơn 6,2 tỷ USD, tăng 31% so với năm 2007. Năm 2009, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, kim ngạch thương mại giữa hai nước giảm mạnh chỉ đạt 5,74 tỷ USD (Việt Nam xuất 1,226 tỷ USD, nhập 4,514 tỷ USD). Năm 2010 kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt 6,7 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan đạt 1,1 tỷ USD và nhập khẩu từ quốc gia này đạt 5,6 tỷ USD). Năm 2011, tổng kim ngạch thương mại đạt 8,17 tỷ USD, Việt Nam xuất 1,79 tỷ USD và nhập 6,38 tỷ USD sang Thái Lan. Năm 2012, Việt Nam xuất 2,832 tỷ USD sang Thái Lan và nhập khẩu 5,791 tỷ USD từ Thái Lan. Riêng tháng 4 năm 2013, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 2 nước là 1,863 tỷ USD, Việt Nam xuất 1,026 tỷ USD và nhập 1,837 tỷ USD sang Thái Lan.

Quan hệ kinh tế - thương mại tăng trưởng nhanh, trước hết là do tác động tích cực của chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nhiều mặt hàng của Việt Nam sản xuất, Thái Lan cũng có, nhưng vẫn thâm nhập được vào thị trường nước này.

Thứ hai, các doanh nghiệp Việt Nam đã có những thay đổi trong hoạt động tìm kiếm thị trường. Thứ ba, vai trò của các cơ quan Nhà nước hữu quan đã hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong chính sách và hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu của cả hai nước. Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam (FDI) đã tạo ra một môi trường thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và của Thái Lan nói riêng trong thời gian qua.

Đến nay, trong khuôn khổ hội nhập, Việt Nam và Thái Lan đã thỏa thuận giảm thuế cho 92% các mặt hàng xuất, nhập khẩu giữa hai nước. Đây là cơ hội để doanh nghiệp hai nước thúc đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động thương mại và tận dụng những lợi thế so sánh trong quyết định kinh doanh của mình.

Những mặt hàng chính Việt Nam xuất sang Thái Lan gồm: linh kiện vi tính, dầu thô, hải sản, than đá và nhiều mặt hàng khác như hàng điện tử, lạc nhân, sản phẩm nhựa, máy móc và thiết bị điện, mỹ phẩm, sản phẩm sắt thép, da thuộc... Tính đến tháng 4 năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan đạt 1,03 tỷ USD, tăng 44,92% so với cùng kỳ năm ngoái. Điện thoại các loại và linh kiện là nhóm hàng có kim ngạch cao nhất trong số các nhóm hàng xuất sang Thái Lan, với 243,73 triệu USD, chiếm 23,75% tổng kim ngạch, tăng 163,43% so với cùng kỳ năm 2012; nhóm hàng phương tiện vận tải và phụ tùng đứng thứ 2 về kim ngạch với 125,28 triệu USD, chiếm 12,21%, tăng 131,38%; tiếp đến dầu thô 94,58 triệu USD, chiếm 9,22%; Sắt thép 80,02 triệu USD, chiếm 7,8%, tăng 41,59%; máy móc thiết bị, phụ tùng 77,67 triệu USD, chiếm 7,57%, tăng 6,34%.

Việt Nam nhập của Thái Lan: xăng, xe máy, hàng tiêu dùng, hàng điện tử, dụng cụ thể thao, các nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp: dệt may, sắt thép, chế biến gỗ...

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam sang Thái Lan năm 2012 và 4 tháng đầu năm 2013

| STT | Mặt hàng chủ yếu | ĐVT | Trị giá (USD) | |
|-----|-------------------------------------|-----|---------------|------------|
| | | | Năm 2012 | 4T/2013 |
| 1 | Hàng thủy sản | USD | 132.863.086 | 41.717.267 |
| 2 | Hàng rau quả | USD | 20.363.845 | 11.057.389 |
| 3 | Hạt điều | Tấn | 53.722.008 | 10.642.622 |
| 4 | Cà phê | Tấn | 59.144.950 | 3.682.654 |
| 5 | Hạt tiêu | Tấn | 8.931.393 | 4.021.356 |
| 6 | Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc | USD | 17.163.169 | 5.349.665 |
| 7 | Than đá | Tấn | 21.405.009 | 2.670.690 |
| 8 | Dầu thô | Tấn | 462.176.128 | 94.576.113 |
| 9 | Xăng dầu các loại | Tấn | 31.167.185 | 11.394.815 |
| 10 | Quặng và khoáng sản khác | Tấn | 5.809.076 | 122.599 |
| 11 | Hóa chất | USD | 19.311.692 | 3.454.315 |
| 12 | Sản phẩm hóa chất | USD | 43.087.318 | 13.589.482 |
| 13 | Chất dẻo nguyên liệu | Tấn | 49.652.499 | 14.433.207 |
| 14 | Sản phẩm từ chất dẻo | USD | 55.706.913 | 13.839.274 |

Cục Xúc tiến thương mại

| | | | | |
|----|--|-----|-------------|-------------|
| 15 | Sản phẩm từ cao su | USD | 6.278.649 | 3.309.786 |
| 16 | Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù | USD | 3.923.889 | 1.951.369 |
| 17 | Gỗ và sản phẩm từ gỗ | USD | 7.907.988 | 2.720.049 |
| 18 | Giấy và các sản phẩm từ giấy | USD | 14.776.858 | 3.191.299 |
| 19 | Xơ, sợi dệt các loại | Tấn | 79.087.766 | 22.409.602 |
| 20 | Hàng dệt, may | USD | 46.292.250 | 15.441.816 |
| 21 | Giày dép các loại | USD | 17.796.008 | 7.521.877 |
| 22 | Sản phẩm gốm, sứ | USD | 36.766.361 | 9.319.910 |
| 23 | Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh | USD | 6.854.486 | 2.042.042 |
| 24 | Đá quý, kim loại quý và sản phẩm | USD | 1.746.025 | 611.485 |
| 25 | Sắt thép các loại | Tấn | 177.525.426 | 80.022.543 |
| 26 | Sản phẩm từ sắt thép | USD | 24.471.088 | 10.751.396 |
| 27 | Kim loại thường khác và sản phẩm | USD | 33.121.570 | 14.720.083 |
| 28 | Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | USD | 198.506.574 | 43.299.811 |
| 29 | Điện thoại các loại và linh kiện | USD | 394.970.381 | 243.732.816 |
| 30 | Máy móc, thiết bị và phụ tùng khác | USD | 238.213.429 | 77.665.047 |
| 31 | Dây điện và dây cáp điện | USD | 17.216.110 | 6.760.869 |
| 32 | Phương tiện vận tải và phụ tùng | USD | 225.944.770 | 125.279.874 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Do tính tương đồng về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của hai nước cho nên các mặt hàng của Việt Nam nói chung và nông sản nói riêng khó thâm nhập vào thị trường này.. Tuy nhiên, Việt Nam-Thái Lan đang tiếp tục duy trì cơ chế hợp tác xuất khẩu gạo để tránh việc cạnh tranh gây thiệt hại của hai nước trên thị trường thế giới. Hai bên cũng tích cực thực hiện thỏa thuận thúc đẩy hợp tác khai thác tuyến đường hành lang Đông-Tây và hợp tác trong các khuôn khổ khu vực ASEAN, ACMECS, GMS...

Việt Nam đã đề nghị Thái Lan tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan, như dành ưu đãi thuế quan - đặc biệt với một số mặt hàng nông sản đang bị áp dụng hạn ngạch thuế quan - nhằm giảm cân cân thương mại, do Việt Nam nhập siêu từ Thái Lan lớn.

Các mặt hàng chính mà Việt Nam nhập khẩu từ Thái Lan là linh kiện, phụ tùng ô-tô, chất dẻo nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng khác, xăng dầu, linh kiện, phụ tùng xe máy, sắt thép các loại.

Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam từ Thái Lan năm 2012 và 4 tháng đầu năm 2013

| STT | Mặt hàng chủ yếu | ĐVT | Trị giá (USD) | |
|-----|---------------------|-----|---------------|------------|
| | | | Năm 2012 | 4T/2013 |
| 1 | Hàng thủy sản | USD | 32.605.335 | 5.634.634 |
| 2 | Sữa và sản phẩm sữa | USD | 53.341.455 | 23.272.474 |
| 3 | Hàng rau quả | USD | 47.867.897 | 14.574.025 |

| | | | | |
|----|--|-------|-------------|-------------|
| 4 | Ngô | Tấn | 25.903.978 | 14.106.748 |
| 5 | Dầu mỡ động thực vật | USD | 18.652.360 | 5.726.594 |
| 6 | Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc | USD | 27.951.673 | 9.094.639 |
| 7 | Thức ăn gia súc và nguyên liệu | USD | 74.935.454 | 51.048366 |
| 8 | Nguyên phụ liệu thuốc lá | USD | 95.127 | - |
| 9 | Xăng dầu các loại | Tấn | 671.077.997 | 160.023.896 |
| 10 | Sản phẩm khác từ dầu mỡ | USD | 55.201.535 | 14.060.515 |
| 11 | Hóa chất | USD | 268.335.196 | 62.912.771 |
| 12 | Sản phẩm hóa chất | USD | 160.216.719 | 51.894.671 |
| 13 | Dược phẩm | USD | 45.675.221 | 19.579.129 |
| 14 | Phân bón các loại | Tấn | 5.993.379 | 1.989.685 |
| 15 | Thuốc trừ sâu và nguyên liệu | USD | 32.399.198 | 16.746.237 |
| 16 | Chất dẻo nguyên liệu | Tấn | 479.611.955 | 156.771.898 |
| 17 | Sản phẩm từ chất dẻo | USD | 160.205.969 | 43.830.063 |
| 18 | Cao su | Tấn | 62.542.104 | 20.212.737 |
| 19 | Sản phẩm từ cao su | USD | 57.428.666 | 18.613.466 |
| 20 | Gỗ và sản phẩm từ gỗ | USD | 86.233.871 | 19.949.125 |
| 21 | Giấy các loại | USD | 166.081.522 | 56.197.404 |
| 22 | Sản phẩm từ giấy | USD | 12.260.559 | 3.755.170 |
| 23 | Xơ, sợi dệt các loại | USD | 145.676.056 | 42.182.831 |
| 24 | Vải các loại | USD | 170.290.144 | 57.875.624 |
| 25 | Nguyên phụ liệu dệt may, da, giày | USD | 117.408.339 | 41.833.545 |
| 26 | Đá quý, kim loại quý và sản phẩm | USD | 3.902.407 | 902.683 |
| 27 | Sắt thép các loại | Tấn | 52.205.620 | 12.678.747 |
| 28 | Sản phẩm từ sắt thép | USD | 124.630.859 | 33.257.734 |
| 29 | Kim loại thường khác | Tấn | 63.546.483 | 18.475.639 |
| 30 | Sản phẩm từ kim loại thường khác | USD | 30.411.452 | 9.808.542 |
| 31 | Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | USD | 259.380.692 | 98.024.078 |
| 32 | Hàng điện gia dụng và linh kiện | USD | 370.303.992 | 154.340.227 |
| 33 | Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | USD | 520.989.369 | 163.424.612 |
| 34 | Dây điện và dây cáp điện | USD | 70.269.883 | 19.364.741 |
| 35 | Ô tô nguyên chiếc các loại | Chiếc | 83.341.469 | 33.267.081 |
| 36 | Linh kiện, phụ tùng ô tô | USD | 357.496.184 | 128.112.391 |
| 37 | Xe máy nguyên chiếc | Chiếc | 11.932.884 | 2.240.260 |
| 38 | Linh kiện và phụ tùng xe máy | USD | 288.348.770 | 76.467.579 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

3. Đầu tư

FDI của Thái Lan vào Việt Nam cũng tăng nhanh trong thời gian gần đây. Ngày càng có nhiều các nhà đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam tìm kiếm cơ hội đầu tư, chủ yếu trong các lĩnh vực địa ốc, dịch vụ nhà hàng, khách sạn, nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp (máy móc nông nghiệp), công nghiệp chế tạo thanh đồng, thuộc da. Tập đoàn

Siam Cement Group (SCG) đã đầu tư sản xuất giấy bao bì - kraft (3,7 tỷ USD). CP Group đang giải ngân phần đầu tư mở rộng thêm 300 triệu USD trong lĩnh vực bất động sản, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, đưa tổng số vốn đầu tư của CP tại Việt Nam lên gần 7 tỷ USD. Trong năm 2009, Thái Lan đầu tư vào Việt Nam tăng thêm 12 dự án, với số vốn hơn 29,6 triệu USD, đưa tổng số dự án của Thái Lan tại Việt Nam lên 215 dự án.

Thái Lan đứng thứ chín trong số nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Trong số các dự án đầu tư từ Thái Lan vào Việt Nam, có 67% là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 56% vốn đăng ký; 27,6% là vốn liên doanh, chiếm 43% vốn đăng ký, tạo việc làm cho hơn 12 nghìn lao động tại Việt Nam. Theo thống kê, hiện có trên 250 dự án của các nhà đầu tư Thái Lan vào thị trường VN, với tổng số vốn đầu tư hơn 5,8 tỉ USD, thuộc nhóm 10 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào VN. Trong đó, có những nhà đầu tư “sừng sỏ” như CP (nông nghiệp), SCG (giấy, nhựa, hóa chất...), Amata (KCN). Tuy nhiên, theo nhận xét của một chuyên gia kinh tế, “vẫn chưa khai thác hết lợi thế của VN và tiềm năng của các nhà đầu tư Thái Lan”. Các dự án của Thái Lan tập trung chủ yếu vào xây dựng hạ tầng cơ sở cho khu công nghiệp, trung tâm đô thị mới tại Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội và TP.HCM. Theo Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gần 67% các dự án của Thái Lan tại Việt Nam là 100% vốn nước ngoài, chiếm 56% số vốn đăng ký và 27,6% các dự án là của các công ty liên doanh, chiếm 43% vốn đăng ký. Việt Nam và Thái Lan là hai nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, chiếm 50% lượng gạo nhập khẩu trên toàn thế giới. Trước những lợi thế trên, hai nước đã và đang trao đổi nhiều đoàn ở cả ba cấp độ sản xuất, kinh doanh và hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy hợp tác trao đổi thông tin trong các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu gạo.

Quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Thái Lan đang còn nhiều tiềm năng phát triển. Ngoài lĩnh vực thương mại và đầu tư, các lĩnh vực như dịch vụ du lịch, vận tải biển, giao thông đường bộ, ngân hàng đang hấp dẫn các doanh nghiệp hai nước... Doanh nghiệp hai nước nên nhanh chóng khai thác những lợi thế sẵn có này để phát triển hơn nữa các hoạt động kinh tế, đặc biệt khi Cộng đồng ASEAN chính thức hoạt động vào năm 2015.

Phần 4. Một số điều kiện cần biết khi kinh doanh với Thái Lan

1. Các qui định về xuất nhập khẩu

1.1 Chứng từ nhập khẩu

Các mặt hàng nhập khẩu vào Thái Lan cần phải có những chứng từ sau:

Hoá đơn thương mại: Thái Lan không quy định mẫu hoá đơn thương mại cụ thể, nhưng mọi chi tiết được cung cấp trong hoá đơn phải rõ ràng và số lượng tối thiểu là 5 bản. Hóa đơn bao gồm những nội dung sau:

- Nước xuất xứ
- Nước nhập khẩu
- Ngày mua và bán hàng hoá
- Phương thức đóng gói: bằng thùng thưa, thùng hình ống hoặc bao, gói...
- Nhãn mác, số hiệu, trọng lượng tịnh và trọng lượng tổng của mỗi gói hàng và tổng trọng lượng của toàn bộ lô hàng
- Tổng số gói hàng
- Thông tin mô tả hàng hóa, ví dụ: tên hàng, loại hàng, số lượng, trọng lượng, kích cỡ, tên thương mại và những ký hiệu khác.
- Giá bán hoặc trị giá của mỗi đơn vị hàng hoá.
- Mọi chi phí khác bao gồm tiền thưởng xuất khẩu hoặc trợ giá xuất khẩu, giảm giá, đóng gói, bảo hiểm, cước phí, tiền hoa hồng.....

Vận đơn: Gồm 2 bản và bao gồm những thông tin sau:

- Người gửi hàng
- Người nhận hàng cuối cùng và đại lý trung gian
- Nhãn mác và số của những gói hàng
- Những chi tiết khác về nhà nhập khẩu

Phiếu đóng gói

Giấy chứng nhận xuất xứ: phải được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền. Trong một số trường hợp, nếu 2 nước có ký Hiệp định Thương mại Tự do, hàng hoá khi có giấy chứng nhận xuất xứ sẽ được hưởng một mức thuế ưu đãi.

Giấy chứng nhận đặc biệt (theo những quy định về y tế công cộng):

- Đối với các loại hạt, thực vật và động vật cần phải có giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi cơ quan chức năng của nước xuất xứ.
- Mặt hàng thịt nhập khẩu vào Thái Lan cần phải có giấy chứng nhận an toàn thú y được ký bởi nhà chức trách địa phương tại nước xuất xứ và cần xác nhận những thông tin sau:
 - + Nước xuất xứ không xuất hiện những bệnh dịch trong một khoảng thời gian xác định.
 - + Nguyên liệu (thú vật) phải được chứng nhận đáp ứng đủ những tiêu chuẩn vệ sinh bởi nhà giám định thú y.

- + Sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và không chứa những chất bảo quản, chất phụ gia hoặc những chất vượt quá số lượng / mức độ cho phép gây nguy hiểm đến sức khoẻ con người.
- + Sản phẩm không được lưu kho quá 3 tháng (được tính từ ngày sản xuất hoặc đóng gói hàng hoá).
- Những nhà xuất khẩu sản phẩm dược và thuốc phải được cấp Giấy chứng nhận tự do bán sản phẩm trước khi đưa sản phẩm này vào Thái Lan, và chịu sự kiểm soát chặt chẽ.
- Thực phẩm đông lạnh trước khi nhập khẩu phải đăng ký với Ủy ban Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế Công cộng. Khi tiến hành thủ tục đăng ký, nhà nhập khẩu phải nộp 2 mẫu hàng cho mỗi loại hàng hóa, những thông tin chính xác về thành phần tính theo tỷ lệ phần trăm, kèm theo sáu nhãn mác sản phẩm.
- Thuốc súng chịu sự kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và số lượng khi nhập khẩu. Chất Dulcin, axit cyclamic và hợp chất của 2 chất này và những thực phẩm có chứa bất kỳ một trong những chất này đều bị cấm nhập khẩu vào Thái Lan.

Giấy phép nhập khẩu: Giấy phép nhập khẩu bắt buộc đối với 26 danh mục hàng hóa, so với 42 danh mục hàng hóa năm 1995-1996. Giấy phép bắt buộc khi nhập khẩu nhiều loại nguyên vật liệu, dầu khí, công nghiệp, hàng dệt may, dược phẩm, và các mặt hàng nông sản. Việc nhập khẩu nhiều loại hàng hóa không cần có giấy phép, tuy nhiên phải phù hợp với các quy định được áp dụng đối với các mặt hàng liên quan như các khoản phụ phí và giấy chứng nhận xuất xứ cũng bắt buộc trong một số trường hợp.

- Nhập khẩu thực phẩm đã qua chế biến, thiết bị y tế, dược phẩm, vitamin, và mỹ phẩm cần có giấy phép của Ban quản lý dược phẩm và thực phẩm, Bộ Y tế.
- Nhập khẩu tungstic oxit, quặng thiếc, và thiếc kim loại, về số lượng nếu vượt quá 2 kg sẽ phải có giấy phép của Vụ tài nguyên khoáng sản, Bộ công nghiệp.
- Nhập khẩu vũ khí, đạn dược hoặc các thiết bị nổ cần có giấy phép của Bộ nội vụ.
- Nhập khẩu đồ cổ hoặc các tác phẩm nghệ thuật dù có đăng ký hay không cũng phải có giấy phép của Vụ nghệ thuật, Bộ giáo dục.

Giấy phép xuất khẩu: Giấy phép xuất khẩu đặc biệt được áp dụng đối với những hàng hoá thuộc diện chịu sự kiểm soát xuất khẩu bao gồm:

- Các loại chất hoá học
- Các loại cá và động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng
- Thiết bị quốc phòng
- Vũ khí và đạn dược
- Thiết bị - công nghệ - vật liệu hạt nhân
- Chất đốt
- Thiết bị y tế và các loại thuốc gây nghiện

Trước khi xuất khẩu những mặt hàng trên, nhà xuất khẩu phải xin được giấy phép từ cơ quan hải quan để đảm bảo rằng những mặt hàng đó không thuộc về bí mật quốc gia của Thái Lan. Giấy phép xuất khẩu được cấp trên cơ sở xem xét các yếu tố như:

- Tính năng công nghệ
- Quốc gia nhập khẩu
- Mục đích sử dụng cuối cùng, người sử dụng cuối cùng và những hoạt động khác của người sử dụng cuối cùng.

1.2 Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Bộ Thương mại Thái Lan chỉ rõ những loại hàng hoá thuộc diện chịu sự kiểm soát nhập khẩu thường phải có giấy phép nhập khẩu. Mặc dù những hàng rào kiểm soát này đang dần được bãi bỏ nhưng vẫn còn khá nhiều loại hàng được yêu cầu phải có giấy phép. Người cung cấp sẽ phải nộp giấy phép tới Bộ Thương mại và đi kèm với giấy yêu cầu, giấy xác nhận, hóa đơn và những giấy tờ thích hợp khác. Xuất khẩu hàng hóa vào Thái Lan không phải chịu sự kiểm tra trước. Để biết thêm thông tin về những hạn chế và những quy định kiểm soát đặc biệt đối với hàng nhập khẩu vào Thái Lan, có thể truy cập trang web: <http://www.moc.go.th/>

Những Cơ quan chính phủ đảm trách việc kiểm soát nhập khẩu, tiếp thị, phân phối và buôn bán hàng hoá bao gồm Cơ quan quản lý về thực phẩm và dược phẩm, Cục Hải quan, Bộ Nông nghiệp và Bộ Công nghiệp.

Danh sách những mặt hàng sau đây chịu sự kiểm soát và hạn chế nhập khẩu vào Thái Lan, bao gồm:

- Nông sản
- Thuốc gây nghiện
- Chất hoá học
- Chất đốt dưới dạng khí hoá lỏng (gas)
- Bản gốc của các tác phẩm điêu khắc và tượng
- Máy móc sử dụng động cơ điêzen đã qua sử dụng
- Hàng may mặc
- Máy photocopy màu
- Máy móc chạm khắc
- Máy chơi bạc
- Tủ lạnh dùng CFC
- Sữa
- Gỗ
- Dầu lửa
- Dầu điêzel
- Dầu thô
- Các loại đá dùng trong xây dựng và tạo những đài tưởng niệm
- Bột mì, các loại bột xay thô
- Bộ đồ ăn, đồ làm bếp
- Vây cá ngừ vàng
- Cưa xích và các bộ phận của cưa xích
- Xe mô tô và phụ tùng
- Phế liệu từ các loại chất dẻo
- Sản phẩm vi phạm bản quyền
- Máy phát sóng vô tuyến
- Ô tô đã qua sử dụng
- Kim cương
- Đá cẩm thạch
- Thực phẩm

- Thuốc
- Mỹ phẩm
- Dụng cụ và thiết bị y tế
- Các loại thực vật, thực vật sống và hạt
- Chất gây nghiện
- Vũ khí và đạn dược
- Các loại động vật
- Phân bón
- Mô tô đã qua sử dụng
- Dầu mỡ

1.3 Các mặt hàng cấm xuất khẩu, nhập khẩu

Các mặt hàng sau đây bị cấm nhập khẩu vào và xuất khẩu khỏi Thái Lan, bao gồm:

- Thuốc lá
- Thạch tín / chất photpho sunfua
- Chất hoá học etylen điclorua
- Chất thải có chứa chất hoá học tali và phế liệu

1.4 Tạm nhập

Theo luật thuế quan Thái Lan, một số mặt hàng nhất định nếu nhập khẩu tạm thời và tái xuất khẩu trong vòng sáu tháng kể từ ngày nhập, sẽ được miễn trừ thuế nhập khẩu và/hoặc thuế, nhưng nhà nhập khẩu phải làm hợp đồng với cơ quan thuế quan bảo đảm những mặt hàng đó sẽ được tái xuất trong khoảng thời gian cố định và đảm bảo một đơn nhất định và có thể phải trả một khoản phí cho cơ quan thuế quan (Cục thuế quan Thái Lan có thể gia hạn thời hạn sáu tháng nếu cần thiết). Tiền hoàn lại hoặc hàng được nhập khi hợp đồng hoàn thành, như đã nói trên, các mặt hàng này bao gồm:

- Xe cộ, thuyền, và máy bay có chủ;
- Các mặt hàng nhập khẩu tạm thời, với mục đích triển lãm công cộng;
- Thiết bị và hàng hoá sử dụng cho phòng thí nghiệm hoặc triển lãm, khoa học và giáo dục và nhập khẩu tạm thời bởi những người đến Thái Lan với các mục đích như thí nghiệm hoặc triển lãm;
- Các mặt hàng sử dụng cho sân khấu hoặc các hoạt động biểu diễn khác; nhập khẩu bởi những người đến thăm Thái Lan;
- Các mặt hàng nhập khẩu để sửa chữa, tuân theo các quy định cụ thể của Cục thuế quan;
- Thiết bị máy ảnh và máy quay phim và các thiết bị ghi âm, nhập khẩu bởi những người đến Thái Lan với mục đích chụp ảnh hoặc ghi âm;
- Mẫu hàng hoá đi kèm với những người đi du lịch Thái Lan tuân theo các điều kiện của luật thuế quan;
- Các công cụ và thiết bị xây dựng, phát triển và các hoạt động tạm thời khác mà Cục thuế quan cho phép, theo những điều kiện cụ thể.

Cục thuế quan Thái Lan đang cân nhắc trong tương lai sẽ áp dụng Hệ thống ATA Carnet nhằm thực hiện miễn phí nhập khẩu tạm thời phù hợp với thông lệ quốc tế. Thủ tục ATA sẽ được áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu tạm thời theo 4 hiệp ước quốc tế sau đây: Hiệp

ước thiết bị chuyên nghiệp, Hiệp ước về triển lãm và hội chợ; Hiệp ước mẫu hàng thương mại và Hiệp ước thiết bị khoa học.

2. Chính sách thuế và thuế suất

2.1 Thuế nhập khẩu

Thái Lan áp dụng biểu thuế suất hai cột theo mã HS. Những mặt hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN được hưởng mức thuế ưu đãi.

Hầu hết hàng hóa nhập khẩu đều phải chịu thuế, mức thuế nhập khẩu này được tính dựa trên giá của hàng hoá hoặc một mức thuế đặc biệt được ấn định trước đối với hàng hoá đó. Thông thường, nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất sẽ là người lập hoá đơn khai báo về trị giá và số lượng của hàng hóa để tính thuế. Tuy nhiên, cơ quan hải quan có quyền định giá lại trị giá của hàng hoá đó để đánh thuế, nếu trong trường hợp họ nghi ngờ người khai đã khai thấp hơn mức giá thực tế trên thị trường.

Các mức thuế suất thuế nhập khẩu hiện đang được Thái Lan áp dụng như sau:

- Thiết bị y tế và phân bón: 0%
- Nguyên vật liệu thô và thiết bị điện: 1%
- Tư liệu sản xuất và nguyên liệu đầu vào cho sản xuất: 5%
- Bán thành phẩm, hàng hóa trung gian: 10%
- Sản phẩm hoàn chỉnh: 20%
- Những mặt hàng “cần được bảo vệ đặc biệt”: 30%

Bên cạnh đó Thái Lan cũng dành những ưu tiên cho việc đầu tư thông qua miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu từ 50% đến 100% đối với các loại máy móc thiết bị cho từng địa phương và từng dự án (khu vực đầu tư). Việc nhập khẩu những nguyên vật liệu thô hoặc vật liệu đặc biệt sử dụng cho mục đích xuất khẩu trong khoảng thời gian 5 năm được miễn thuế nhập khẩu, điều này cũng phụ thuộc vào từng địa phương của dự án đầu tư. Thêm vào đó, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư, các nguyên vật liệu thô và vật liệu đặc biệt có thể được giảm 75% thuế nhập khẩu nếu những nguyên liệu này được dùng cho việc sản xuất những mặt hàng phục vụ sản xuất trong nước trong vòng 5 năm và nếu như chủ đầu tư có nhà máy sản xuất ngay tại Thái Lan.

Hàng hoá nhập khẩu thường phải chịu hai loại thuế, đó là thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng (VAT). Thuế nhập khẩu được tính toán dựa trên việc lấy thuế suất thuế nhập khẩu nhân trị giá CIF của hàng hoá (giá bao gồm trị giá hàng, phí bảo hiểm và cước phí vận chuyển). Thuế VAT sau đó sẽ được tính toán dựa trên toàn bộ trị giá CIF và thuế nhập khẩu hàng hóa. Hàng hoá nhập khẩu với mục đích tái xuất khẩu thông thường sẽ được miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT.

Miễn thuế nhập khẩu

Tài sản cá nhân hoặc gia đình được miễn thuế nhập khẩu nếu nhập khẩu không sớm hơn 1 tháng hoặc không muộn hơn 6 tháng so với thời gian đến Thái Lan của người chủ tài

sản cá nhân đó. Cơ quan hải quan có thể cho phép kéo dài thời gian nói trên nếu trong những tình huống họ xem xét và cho là phù hợp.

Những tài sản gia đình như tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, radiô, tivi, đầu video, máy giặt, đồ nội thất... được nhập khẩu bởi một cá nhân hoặc một hộ gia đình nhiều hơn một đơn vị hàng hoá đối với từng loại, việc miễn thuế nhập khẩu sẽ chỉ được áp dụng cho một đơn vị hàng hoá ở mức thuế suất thấp nhất hoặc cho những vật dụng cần thiết, phần còn lại sẽ vẫn phải chịu thuế nhập khẩu.

Thú vật nuôi, như chó và mèo của hành khách mang theo không được coi như tài sản cá nhân và không được miễn thuế nhập khẩu. Những vật nuôi này sẽ chỉ được miễn thuế nếu Cơ quan hải quan chấp nhận những bằng chứng của hành khách đưa ra rằng những vật nuôi này được nhập khẩu nhằm mục đích gây giống. Những vật nuôi này cũng sẽ được miễn thuế nếu chủ nhân của chúng đến Thái Lan với mục đích du lịch và sẽ tái xuất khẩu những vật nuôi này trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhập khẩu. Người nhập khẩu sẽ phải ký thỏa thuận với Cơ quan hải quan, trong đó nêu rõ rằng những vật nuôi đó sẽ được tái xuất khẩu trong thời gian đã định.

Việc miễn thuế nhập khẩu cũng được áp dụng đối với rượu, thuốc lá, xì gà đi cùng với khách du lịch và theo số lượng quy định như sau:

- Thuốc lá điếu: tối đa 200 điếu hoặc 250 gram xì gà.
- Rượu: tối đa 1 lít

2.2 Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (VAT) được áp dụng đối với mọi hàng hoá và dịch vụ trên mọi phạm vi hoạt động liên quan đến việc sản xuất hàng hóa, đối với hàng nhập khẩu có thể được hoàn thuế VAT. Hầu hết các dịch vụ đều phải chịu thuế VAT ngoại trừ một số dịch vụ như bán sản phẩm nông nghiệp. Sách và các loại báo chí được miễn thuế VAT. Mức thuế giá trị gia tăng hiện tại ở Thái Lan là 7%.

2.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hầu hết các loại hình hoạt động kinh doanh tại Thái, bao gồm cả những tổ chức nước ngoài đang hoạt động tại Thái Lan hoặc có thu nhập từ Thái Lan, dù những công ty này có thực hiện hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hay không, đều phải chịu một mức thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh dựa trên lợi nhuận cố định của công ty. Việc thu hồi vốn được xem xét như những thu nhập thông thường và vì vậy vẫn phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức thuế thông thường đồng đều là 30%.

3. Quy định về bao gói, nhãn mác

Bao gói: Bao gói nên được làm bằng chất liệu đảm bảo và có khả năng chịu nhiệt và chịu ẩm. Nhà xuất khẩu cũng nên chú ý đến khả năng hàng hoá sẽ để ở kho có không gian mở, vì vậy bao gói nên sử dụng chất liệu không thấm nước. Nên tránh sử dụng cỏ khô và rơm để làm bao gói.

Nhãn mác: Chính phủ Thái Lan có những quy định rất chặt chẽ về nhãn mác đối với các sản phẩm bơ sữa, đồ ăn cho trẻ em, đồ ăn đóng hộp, dấm, các loại nước giải khát, dầu ăn, thuốc súng.

Nhãn mác của sản phẩm thực phẩm phải được cấp phép bởi Cơ quan quản lý về Thực phẩm và Dược phẩm. Khi tiến hành thủ tục xin giấy phép, đối với mỗi sản phẩm, nhà nhập khẩu phải nộp 2 mẫu của sản phẩm, chỉ rõ tỷ lệ phần trăm từng thành phần và hợp chất có trong sản phẩm đó, và nộp sáu nhãn mác sản phẩm.

Thực phẩm nhập khẩu vào Thái Lan phải được dán nhãn mác với những thông tin rõ ràng và thường bao gồm những nội dung sau:

- Tên và nhãn hiệu sản phẩm (bao gồm cả tên sản phẩm và tên thương mại)
- Số giấy phép đăng ký
- Tên và địa chỉ nhà sản xuất
- Tên và địa chỉ nhà nhập khẩu
- Ngày sản xuất và ngày hết hạn sử dụng sản phẩm
- Số lượng và trọng lượng tịnh
- Hướng dẫn sử dụng

Đối với đồ uống, trên nhãn mác phải ghi rõ tỷ lệ phần trăm của lượng cồn có trong sản phẩm đó, những cảnh báo về tác hại đến sức khỏe khi sử dụng sản phẩm (nếu có), và phải in bằng tiếng Thái.

Đối với mỹ phẩm, có những quy định riêng về nhãn mác, nhãn mác phải bằng tiếng Thái và chỉ rõ những thông tin sau:

- Tên của loại mỹ phẩm
- Tên và địa chỉ nhà sản xuất
- Hướng dẫn sử dụng
- Thành phần có trong sản phẩm
- Những phản ứng phụ khi sử dụng sản phẩm (nếu có)

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

Tất cả các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Thái Lan đều phải tuân theo các yêu cầu về y tế và an toàn (bao gồm cả việc đăng ký với Bộ Y tế) và các tiêu chuẩn quốc gia Thái Lan.

Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Thái Lan phải có giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thực phẩm kèm theo lô hàng nhập khẩu. Theo quy định của Cơ quan kiểm dịch thực phẩm Thái Lan, hàng hoá thực phẩm phải được chứng nhận cụ thể như sau: các loại thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh quy định, thích hợp cho người sử dụng, được phép xuất/nhập khẩu.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Trong thời kỳ từ năm 1998 đến năm 2000 việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (IPR) về mặt pháp lý của nhà nước Thái Lan đã tăng đáng kể. Việc thi hành theo luật pháp cũng tăng

lên, do có những cuộc tấn công bất ngờ vào các nhà sản xuất hàng giả. Tuy nhiên, nạn làm hàng giả vẫn chưa được diệt trừ tận gốc, và cần có sự thi hành luật pháp chặt chẽ hơn nữa. Việc làm giả nhãn hiệu vẫn là một vấn đề khó khăn, và xuất khẩu các loại nguyên liệu giả cũng đang gia tăng. Chính phủ Thái Lan đã nhận ra tầm quan trọng của việc xác định và đương đầu với vấn đề xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và với áp lực từ các đối tác thương mại lớn, chính phủ Thái Lan đang đặt vấn đề này lên hàng đầu.

Trở ngại trong việc thực hiện bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ còn rất nhiều. Nguồn lực có hạn, đặc biệt sự thiếu thốn về khả năng tài chính của bộ máy cảnh sát không đủ và sức mạnh luật pháp cũng chẳng hơn gì. Mặc dù ngày càng có nhiều người lên án tệ nạn này, nhưng nạn tham nhũng và môi trường văn hoá có thể gây khó khăn cho việc quản lý của nhà nước. Sự thiếu chuyên nghiệp của bộ máy cảnh sát và thủ tục pháp lý rườm rà làm cho những nguyên đơn chính bị thay bằng những người kém quan trọng hơn và không có chứng cứ. Việc tấn công không thường xuyên do thiếu lực lượng cảnh sát vẫn còn là một vấn đề. Nạn làm hàng giả thường đi kèm với tập đoàn tội phạm liên quốc gia ngày càng tăng với tốc độ chóng mặt đe dọa quyền lợi của các công ty.

Một toà án chuyên về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thiết lập năm 1997 đã cải thiện các thủ tục pháp lý và đặt ra các hình thức phạt nghiêm khắc. Các trường hợp phạm tội thông thường mất khoảng từ 6 đến 12 tháng kể từ khi bắt đầu tấn công đến khi kết án. Theo các công ty có quyền lợi hợp pháp, trong nhiều trường hợp, việc phạt có thể gây ra các tác động tiêu cực. Tuy nhiên, các toà án thường áp dụng các hình thức phạt tù nghiêm khắc và ngày càng có nhiều người bị phạt tù. Đôi khi bên bị đơn bỏ trốn và đôi khi thời gian bị tù có thể rút ngắn hoặc trắng án. Các cơ quan có thẩm quyền còn thiếu nguồn lực có hiệu quả để tiến hành các hoạt động bắt thực thi pháp luật. Việc khởi tố có hiệu quả có thể đòi hỏi bên có quyền lợi hợp pháp tốn nhiều nhân công vì họ thường phải tham gia vào các cuộc tấn công, cùng với việc lưu kho các tài sản được sung công, và hỗ trợ trong việc chuẩn bị các tài liệu để khởi tố.

Thủ tục áp dụng nhãn hiệu thương mại của chính phủ Thái Lan được quy định từ năm 1998. Việc bảo vệ nhãn hiệu thương mại theo luật pháp ở Thái Lan thường tốn thời gian và chi phí, nhưng quá trình này thường được diễn ra một cách trung thực.

Sửa đổi luật sáng chế của Thái Lan có hiệu lực từ năm 1999, và cộng đồng các công ty nói chung khá hài lòng với các điều khoản mới này, mặc dù việc áp dụng sáng chế có thể mất 5 năm ở một số ngành, như ngành dược phẩm. Từ tháng 6 năm 2000, một bộ luật đảm bảo bí mật thương mại đã được nghị viện Thái Lan xem xét đến.

6. Khu vực tự do thương mại

Thái Lan có vài khu mậu dịch tự do (FTZ), khu chế xuất (EPZ). Các công ty đóng tại FTZ/EPZ được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế khác đối với đầu vào sản xuất hàng xuất khẩu, máy móc thiết bị vật liệu xây dựng nhà máy. Trong FTZ/EPZ, các nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu đất và thuê kỹ thuật viên và chuyên gia nước ngoài.

Có 5 ngành công nghiệp được chú trọng là:

1. Hoá chất và hoá dầu

2. Ô tô và phụ tùng
3. Chế biến kim loại
4. Ngành xuất khẩu vận tải hàng không phụ vụ nông sản, thủy sản, hàng dệt may, đồ điện và điện tử, thuốc men, đồng hồ.
5. Các ngành dịch vụ và chăm sóc khách hàng khác như nhà hàng, dịch vụ y tế, nghiên cứu công nghiệp, giáo dục, dịch vụ ngân hàng và tài chính, cửa hàng tổng hợp, dịch vụ an ninh, dịch vụ bảo hành bảo trì máy móc và dịch vụ xây dựng.

Cục hải quan Thái Lan cho phép các công ty lớn chuyên sản xuất hàng xuất khẩu được xây dựng kho hàng và nhập khẩu đầu vào (miễn thuế). Những nhà sản xuất phải trả phí hàng năm cho kho hàng bảo đảm.

7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hoá và dịch vụ

Thái Lan rất coi trọng việc hàng xuất khẩu được sản xuất tại nước này phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9000, ISO 14000. Ngoài ra các nhà chế biến lương thực cần phải tuân thủ hệ thống HACCP (hệ thống kiểm soát khản cấp và phân tích rủi ro).

Viên tiêu chuẩn công nghiệp Thái Lan (TISI) là tổ chức tiêu chuẩn quốc gia thuộc Bộ Công nghiệp. Chính phủ Thái Lan yêu cầu bắt buộc có giấy chứng nhận đối với 60 sản phẩm trong 10 lĩnh vực như nông nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, đồ điện và linh kiện, ống nhựa PVC, dược phẩm, bình khí gas hoá lỏng và ô tô. Giấy chứng nhận đối với các sản phẩm khác dựa trên cơ sở tự nguyện. Sản phẩm công nghiệp có giấy chứng nhận của TISI nhìn chung là được coi là có chất lượng tốt và tiêu chuẩn cao. TISI đã chứng nhận hơn 1921 sản phẩm trên cơ sở tự nguyện.

8. Thành lập doanh nghiệp

Doanh nghiệp nước ngoài có thể hiện diện thương mại tại Thái Lan theo một số hình thức sau:

- Liên doanh
- Chi nhánh công ty
- Văn phòng đại diện
- Văn phòng vùng

Liên doanh

Liên doanh được thành lập do một nhóm người có lợi ích kinh tế chung thông qua một bản thỏa thuận về hợp tác cùng nhau kinh doanh. Sự tồn tại của nó không được luật Dân sự và thương mại Thái Lan công nhận. Tuy nhiên nó vẫn phải chịu thuế lợi tức doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập.

Chi nhánh công ty nước ngoài

Các công ty nước ngoài đăng ký chi nhánh để làm kinh doanh ở Thái Lan không phải tuân theo những yêu cầu đặc biệt. Tuy nhiên, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh hoặc trước hoặc sau khi hoạt động phải thực hiện một số quy định đăng ký. Khi thành lập chi nhánh

phải tuân theo một quy trình nhất định, điều này rất quan trọng để cơ quan thuế tính đúng thu nhập chịu thuế bởi vì cơ quan thuế Thái Lan coi tổng thu nhập của công ty nước ngoài thu được ở Thái Lan đều là diện chịu thuế.

Một chi nhánh nước ngoài muốn có giấy phép kinh doanh phải có vốn lưu động tối thiểu là 5 triệu бат theo tỷ giá tương đương trong vòng 4 năm.

Thông thường chi nhánh được phép hoạt động trong 5 năm và có thể gia hạn thời gian kinh doanh nếu thỏa mãn điều kiện về vốn lưu động mang vào Thái Lan.

Văn phòng đại diện các hãng nước ngoài

Thái Lan cho phép mở các văn phòng đại diện nhưng chỉ hạn chế trong các hoạt động phi thương mại như tìm nguồn hàng và dịch vụ ở Thái Lan cho hãng hay kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hoá mà hãng mua ở Thái Lan và những hoạt động khác như quảng bá sản phẩm, dịch vụ mới của hãng, lập các báo cáo về tình hình kinh doanh địa phương.

Văn phòng vùng

Văn phòng vùng của một công ty đa quốc gia được thành lập để thay mặt công ty phối hợp và chỉ đạo hoạt động của các chi nhánh công ty trong vùng. Văn phòng vùng cung cấp cho các chi nhánh những vấn đề sau:

1. Dịch vụ tư vấn và quản lý
2. Dịch vụ quản lý tài chính
3. Dịch vụ đào tạo và phát triển nhân lực
4. Kiểm soát thị trường và các kế hoạch xúc tiến bán hàng.
5. Phát triển sản phẩm.
6. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển.

Lợi ích từ việc thành lập văn phòng vùng: Các công ty thành lập văn phòng vùng không phải đăng ký hay sát nhập như là pháp nhân của Thái Lan và không phải trình bất cứ báo cáo tài chính nào với Phòng Đăng Ký Kinh Doanh. Cơ quan này sẽ giúp thông quan tài sản cá nhân của các nhân viên nước ngoài làm việc ở các văn phòng vùng và giúp xin phép tạm trú tại Thái Lan hay đổi loại thị thực. Giấy phép lao động có thể được cấp cho tối đa 5 người nước ngoài làm việc tại các văn phòng vùng tùy vào nhu cầu công việc hay hoàn cảnh cụ thể. Chi phí cấp giấy phép lao động cấp hay gia hạn không quá 1000 бат/năm.

Điều kiện cấp giấy phép thành lập văn phòng vùng.

- Không được hoạt động có thu. Chi phí hoạt động của văn phòng vùng do công ty mẹ đài thọ.
- Không có quyền chấp nhận đơn đặt hàng hay làm bản chào giá.
- Không có quyền đàm phán hay tham gia vào các hoạt động kinh doanh với một chủ thể người Thái Lan.

Giấy phép thành lập văn phòng vùng có giá trị trong 5 năm và có thể được cấp sau khi nộp đơn cho bộ phận Kinh doanh nước ngoài của Phòng đăng ký kinh doanh, Bộ Thương Mại. Phí đăng ký là 5 бат cho 1000 бат vốn đăng ký và phí này không vượt quá 5000 бат.

Khi giấy phép thành lập văn phòng vùng được ban hành, văn phòng phải tuân theo các điều kiện sau:

- Tổng nợ tín dụng trong kinh doanh không vượt quá 7 lần phần vốn của cổ đông hay của chủ kinh doanh.
- Tiền được sử dụng trong văn phòng vùng được chuyển từ nước ngoài và phải từ 5.000.000 бат trở lên. Trong năm đầu tiên, phải chuyển ít nhất 2.000.000 бат và ít nhất nửa số này phải được chuyển trong 6 tháng đầu tiên. Sau đó mỗi năm tiếp theo phải chuyển 1.000.000 бат. Thủ tục thực hiện việc chuyển tiền phải được nộp cho Phòng đăng ký kinh doanh.
- Phải có ít nhất một người chịu trách nhiệm về hoạt động văn phòng vùng có nhà ở ở Thái Lan.

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh có quyền đưa ra các điều kiện về việc cấp giấy phép kinh doanh theo quy định.

9. Văn hóa kinh doanh

Giờ làm việc

- Các đơn vị kinh doanh: từ 8h sáng đến 5h chiều từ thứ 2 đến thứ 6.
- Ngân hàng: từ 9h30' sáng đến 3h30' chiều từ thứ 2 đến thứ 6. Các quầy thu đổi ngoại tệ thông thường hoạt động từ 7h sáng đến 8h tối.
- Cơ quan Chính phủ: từ 8h30' sáng đến giữa trưa và từ 1h chiều đến 4h30 chiều, từ thứ 2 đến thứ 6.
- Cửa hàng bách hoá lớn: từ 10h sáng đến 8h tối, đôi khi họ mở cửa phục vụ tới tận 10h đêm
- Một số siêu thị lớn như Foodland phục vụ 24 giờ tất cả các ngày trong tuần.
- Những cửa hàng nhỏ thường mở cửa 12 giờ một ngày.
- Những cửa hàng bán rượu chịu quy định nghiêm ngặt về thời gian bán hàng trong ngày.

Nghị thức và tập quán kinh doanh

- Bạn nên chuẩn bị trước cho chuyến công tác Thái Lan của mình bằng việc đọc những cuốn sách về các tập quán kinh doanh của Thái Lan và những cách để có một cuộc đàm phán thành công.
- Nếu bạn muốn thành công trong công việc kinh doanh tại Thái Lan thì việc tạo dựng mối quan hệ là một yếu tố rất quan trọng và cần thiết. Những mối quen biết trong công việc kinh doanh rất được xem trọng tại Thái Lan, cũng như việc bạn phải luôn duy trì chất lượng và hình ảnh của công ty mình. Mối quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của khách hàng.
- Người Thái thích hợp tác làm việc với những người họ kính trọng.

- Sự tiến triển trong mối quan hệ của người Thái diễn ra chậm và với lần gặp đầu tiên sẽ không có nhiều tiến triển như bạn mong đợi, phải mất vài buổi gặp gỡ bạn mới có thể tạo dựng được mối quan hệ thực sự với họ.
- Khi giao tiếp với mọi người hãy luôn giữ thái độ kính trọng và lịch sự, điều này sẽ tạo nên những mối quan hệ hoà hợp, và đây cũng chính là yếu tố rất quan trọng khi kinh doanh tại Thái Lan.
- Cách giao tiếp của người Thái thường theo nghi thức và họ coi các cử chỉ khi giao tiếp quan trọng hơn cả lời nói.
- Những người có vị trí cao trong xã hội cũng như những người lớn tuổi nhất trong công ty luôn được kính trọng.
- Nên đặt lịch hẹn với đối tác trước một tháng.
- Khi đến gặp mặt đối tác kinh doanh bạn nên đến đúng giờ, điều này thể hiện sự tôn trọng của bạn với họ.
- Trước một cuộc họp hoặc một cuộc gặp gỡ với đối tác, bạn nên gửi trước những tài liệu, thông tin về công ty bạn đến cho đối tác, điều này giúp chỉ rõ vị trí của bạn và cũng giúp cho đối tác có đủ thời gian nghiên cứu và suy nghĩ trước về những tài liệu bạn cung cấp. Tất cả các tài liệu nên được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Thái.
- Hãy nên đứng cho đến khi được mời ngồi.
- Luôn giữ được sự bình tĩnh.
- Thông thường, để tránh mất lòng bạn, người Thái Lan thường sẽ không thừa nhận rằng họ không hiểu những điều bạn nói. Điều này thường không tốt và gây bức mình trong công việc. Nó cũng đồng nghĩa với việc người Thái Lan sẽ rất ít khi nói “ Không ”, và dẫn đến việc một đối tác nước ngoài sẽ có thể rời bàn họp và nghĩ rằng họ đã đạt được bản hợp đồng cho đến khi nhận ra rằng không hề có một bước tiến xa hơn nào trong công việc sau đó. Vì vậy, một lời khuyên khi tiến hành đàm phán tại Thái Lan là bạn nên có thêm một thông dịch viên đi cùng để chắc chắn rằng cả 2 bên đều hiểu nhau và đi đến một hợp đồng có lợi.
- Chức vụ và thâm niên trong công việc cũng là điều rất quan trọng, hầu hết những lãnh đạo cấp cao và những người làm kinh doanh sẽ đều mong muốn gặp những đối tác có chức vụ ngang tầm họ, thay vì gặp một nhân viên cấp dưới.
- Người Thái Lan rất giỏi trong việc thương lượng và đàm phán. Điều này thể hiện trong sự linh hoạt và thiện chí khi tiếp đãi đối tác kinh doanh của họ. Ngoài ra, sự nhạy bén trong kinh doanh của người Thái Lan còn được thể hiện qua khả năng thương lượng và đạt đến một hợp đồng được họ xem là có lợi cho cả 2 bên, đôi khi hợp đồng này cũng có thể thay đổi trong quá trình đàm phán và đi đến ký kết cuối cùng.
- Khun trong tiếng Thái có nghĩa là Ông, Bà, Cô (Mr, Mrs, Ms hoặc Miss), người Thái Lan thường sử dụng tên đi kèm với Khun khi xưng hô, không dùng họ của gia đình, ví dụ Khun Somporn.
- Cách thức chào trang trọng của người Thái Lan được gọi là “wai”, thông thường người có chức vị thấp hơn sẽ thực hiện nghi thức chào truyền thống này tới người có địa vị cao hơn. Theo cách thức này người chào sẽ úp hai lòng bàn tay vào nhau, đưa lên ngang tầm với mắt và từ từ đưa lên theo chiều hướng lên phía trên. Đây là một cách chào rất trang trọng được thực hiện trong những nghi lễ, người Thái Lan không yêu cầu đối tác nước ngoài phải chào lại họ theo đúng nghi thức này, nếu bạn là một đối tác bạn chỉ cần mỉm cười đáp lại hoặc gật đầu chào lại họ, nhưng

nếu bạn có thể chào lại họ theo đúng cách truyền thống của người Thái, chắc chắn họ sẽ đánh giá rất cao thiện chí của bạn.

- Thông thường, khi được mời tới dự một bữa tiệc tại nhà, bạn nên đợi chủ nhà giới thiệu bạn với những người khách khác trong bữa tiệc, nó sẽ giúp cho những vị khách có mặt biết được mối quan hệ giữa bạn và gia chủ.

Ngoại hình và cách ăn mặc

- Các doanh nhân Thái Lan có xu hướng mặc vét khi đi giao dịch.
- Trong những cuộc họp thì trang phục truyền thống, đặc biệt là với nam giới, thường là áo sơ mi công sở, cà vạt và giày (họ không đi sandan khi đi giao dịch, tiếp khách), và nên mặc màu tối. Khi đi dự những buổi họp kinh doanh, không nên mặc trang phục bình thường.
- Phụ nữ nên mặc vét nữ hoặc váy, không nên mặc hàng dệt kim
- Người Thái thường quan tâm đến trang phục và phụ trang đi kèm, vì vậy bạn nên chắc chắn rằng giày của bạn luôn được đánh bóng khi đi gặp đối tác.

Tặng quà

- Việc trao quà tặng cho đối tác kinh doanh là một thói quen phổ biến ở Thái Lan và nếu một người được nhận quà, họ nên có những món quà đáp lại đối với người tặng. Những món quà thường được trao tặng vào lần gặp mặt đầu tiên thể hiện tình hữu nghị và sự mến khách, không nên mở quà ngay khi nhận được quà tặng.
- Quà tặng không cần thiết phải quá đắt tiền nhưng phải có giá trị tinh thần, điều này sẽ giúp xây dựng mối quan hệ bền chặt hơn với đối tác.
- Khi đến thăm gia đình một đối tác người Thái lần đầu, bạn không nhất thiết phải mang theo quà tặng, nhưng người Thái cũng sẽ đánh giá cao bạn nếu bạn tặng quà họ vào buổi gặp mặt đầu tiên này.
- Quà tặng nên được bọc gói thật đẹp và bắt mắt, nên dùng nơ và những dải ruy băng để tạo nên cảm giác vui vẻ khi tặng quà.
- Những món quà được người Thái yêu thích là hoa, sôcôla chất lượng cao hoặc hoa quả.
- Không nên tặng hoa cúc vạn thọ hoặc hoa cẩm chướng, vì theo phong tục của người Thái thì những loại hoa này chỉ nên sử dụng trong tang lễ.
- Nên tránh gói quà bằng những giấy gói có màu xanh lá cây, màu đen hoặc xanh sẫm, vì những màu này thường dùng trong những buổi tang lễ và những bộ quần áo tang.
- Màu vàng được xem như là biểu tượng của sự vương giả, vì vậy bạn nên chọn những giấy gói quà với màu này.
- Chỉ nên sử dụng giấy gói quà màu đỏ nếu bạn biết rõ đối tác là người Thái gốc Hoa.
- Người Thái thường mừng tiền trong những đám cưới và lễ nhậm chức.

Văn hoá ứng xử

- Nếu bạn được mời tới dùng bữa tối tại nhà một người Thái, bạn nên chú ý một số điểm sau
 - Nên đến đúng giờ được mời, nhưng nếu trong trường hợp bạn trễ một vài phút, hành động này cũng sẽ không làm phiền lòng chủ nhà.

- Hãy quan sát xem chủ nhà có đi giày trong nhà không, nếu không thì bạn nên bỏ giày trước khi bước vào nhà họ.
- Hỏi những người khách được mời khác để xác nhận lại trang phục khi dự tiệc.
- Khi vào nhà một người Thái, bạn không nên bước lên thềm cửa mà nên bước qua nó, đây là một phong tục cổ đang dần mất đi trong cách sống của giới trẻ Thái.
- Trong bàn tiệc, bạn nên chú ý một số quy tắc cư xử sau:
 - Những dụng cụ chính trong bữa ăn của người Thái là đĩa và thìa. Tuy nhiên, khi ăn món mỳ họ thường sử dụng đũa.
 - Thìa được cầm tay phải và đĩa được cầm tay trái. Tại miền Bắc Thái Lan, món gạo dính được coi là một loại đồ ăn quý và họ thường ăn đồ ăn này trực tiếp bằng tay phải.
 - Hầu hết những bữa tiệc thường là những bữa tiệc đứng hoặc với những chiếc đĩa thức ăn đặt giữa bàn theo kiểu gia đình.
 - Bạn có thể bắt đầu ăn ngay sau khi được phục vụ.
 - Bạn nên để lại một chút thức ăn tại đĩa sau khi đã dùng bữa, hành động này cho thấy bạn đã ăn đủ no, nếu bạn ăn hết sạch mọi thức ăn trên đĩa, chủ nhà sẽ hiểu là bạn vẫn còn đói.
 - Không nên để thừa lại gạo trên đĩa của bạn, người Thái sẽ cho rằng bạn là người lãng phí.
 - Bạn nên chú ý đừng bao giờ gấp miếng thức ăn cuối cùng khi được phục vụ đồ ăn.
 - Không nên liếm tay khi dùng bữa.

Sử dụng danh thiếp

- Danh thiếp luôn được sử dụng rộng rãi tại Thái Lan, bạn phải chú ý in thiếp một mặt bằng tiếng Thái.
- Danh thiếp nên được trao sau khi bắt tay và chào đối tác. Theo lý thuyết, bạn nên trao danh thiếp cho những người giữ vị trí cao trong công ty đối tác đầu tiên.
- Hãy sử dụng tay phải khi trao danh thiếp cho đối tác.
- Khi nhận được danh thiếp của đối tác, bạn nên nhìn vào nó một vài giây trước khi để lên bàn hoặc cho vào hộp đựng danh thiếp của mình.

Đối tác kinh doanh

- Chỉ định nhà phân phối: Một nhà phân phối trong nước sẽ bán những sản phẩm của bạn trên thị trường và sẽ quản lý những hoạt động mua và bán sản phẩm của bạn trên thị trường Thái. Theo cách này, bạn sẽ chỉ cần cung cấp sản phẩm của mình tới họ theo đơn đặt hàng. Tuy nhiên, đôi khi bạn cũng sẽ bị yêu cầu ủng hộ, thậm chí có thể bằng tiền nhằm mục đích tiếp thị sản phẩm của công ty ra thị trường. Những điều khoản liên quan đến thanh toán sẽ được thỏa thuận giữa bạn và đối tác. Tại Thái Lan, một sản phẩm có thể được đăng ký với Ủy ban Thực phẩm và Dược phẩm bởi một vài nhà nhập khẩu khác nhau, trừ khi bạn có được thỏa thuận độc quyền sản phẩm.
- Thành lập một công ty đại diện tại địa phương là một quá trình thực sự tốn nhiều thời gian và phải hoàn tất những thủ tục và giấy tờ quan trọng. Bạn nên liên lạc với những hãng tư vấn pháp luật để có được những lời khuyên và chỉ dẫn. Một

trong những cách đơn giản hơn để thành lập một văn phòng đại diện đó là phương pháp liên doanh với một đối tác kinh doanh bản địa.

- Xây dựng một nhà máy sản xuất tại Thái Lan: Nếu mục đích của bạn là những sản phẩm sản xuất tại Thái Lan cho mục đích tái xuất khẩu thì bạn nên liên hệ với Ủy ban Đầu tư (BOI) để được cung cấp những thông tin về những mức thuế ưu đãi. Cách tốt nhất bạn nên làm là liên hệ với những hãng tư vấn pháp luật để có được những hướng dẫn cụ thể.

Phần 5. Địa chỉ hữu ích

Thương vụ Việt Nam tại Thái Lan

Địa chỉ : 83/1 Wireless Road Bangkok - 10330, Thailand

Điện thoại : 66-2-6508454

Fax : 66-2-2526950

Email : tvvnbk@a-net.net.th ; th@mot.gov.vn

Cơ quan bộ / ngành của Thái Lan

Bộ Đầu tư: www.boi.go.th

Cơ quan Xúc tiến Hợp tác: www.cpd.go.th/eng/index.htm

Bộ Thương mại: www.moc.go.th

Bộ Tài chính: www.mof.go.th/index_e.html

Bộ Công nghiệp: www.industry.go.th

Trung tâm Công nghệ và Điện tử (NECTEC): www.nectec.or.th

Ủy ban Quản lý các hạt gây nghiện (ONCB): www.oncb.go.th/Emain.htm

Phòng Quan hệ cộng đồng: www.prd.go.th

Viện Tiêu chuẩn Thái Lan (TISI): www.tisi.go.th

Sở Giao dịch Chứng khoán Thái Lan (SET): www.set.or.th/en/index.html

Văn phòng Chính phủ: www.thaigov.go.th/index-eng.htm

Viện Nghiên cứu Phát triển Thái (TDRI): www.tdri.or.th

Thông tin về Thương mại

Cục Xúc tiến Thương mại Thái: www.thaitrade.com

Ủy ban Hoà giải về Thương mại: www.tcc.or.th

Thương mại Thái Lan: www.thaitrading.com

Thông tin về Tài chính và Ngân hàng

Ngân hàng Thái Lan: www.bot.or.th

Ngân hàng Xuất nhập khẩu Thái (EXIM Bank): www.exim.go.th/eng/index.asp

Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB): www.asiandevbank.org

Cơ quan Cơ cấu lại về Các ngành tài chính: www.fra.or.th/defaults_eng.html

Tài liệu tham khảo

Thông tin tổng quan về nền kinh tế Thái Lan tại

- Trang web của Bộ Ngoại giao Việt Nam www.mofa.gov.vn
- www.cia.gov
- www.austrade.gov.au
- www.ecvn.com

Báo cáo thống kê tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Thái Lan của Tổng Cục Thống kê Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam và Bộ Công Thương Việt Nam.

Thông tin về thương mại Thái Lan tại website của Bộ Thương mại Thái Lan (www.moc.go.th).

Thông tin về tình hình kinh tế, thương mại, đầu tư của Thái Lan và quan hệ với Việt Nam tham khảo từ các tin, bài viết trên các báo (Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam...), mạng tin kinh tế trong và ngoài nước (Vinanet, Asemconnect, VnExpress, Thông tấn xã Việt Nam)..., công cụ thông tin của các tổ chức cung cấp thông tin nước ngoài (Datamonitor, Trademap, Productmap (ITC)...).